

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2017/DSST
Ngày 19-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, nghĩa vụ tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Luyện

Bà Trần Thị Minh Hoir

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:** Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và nghĩa vụ tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C – sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: xóm Yên Sơn 1, xã HS, huyện ĐL, Nghệ An.

Tạm trú: xóm 7, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1961

Địa chỉ: xóm 2 xã NL, huyện NL, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: anh Phan Văn H – sinh năm 1967

Hộ khẩu thường trú: xóm Yên Sơn 1, xã HS, huyện ĐL, Nghệ An.

Tạm trú: xóm 7, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: bà Đặng Thị T – sinh năm 1981

Nơi cư trú: khối 8 thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Chức vụ: phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL

Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và Giấy ủy quyền số 01/TB-PGDĐL ngày 15/8/2017 của giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Quỹ tín dụng nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: bà Thái Thị T – sinh năm 1963 – chức vụ: chủ tịch Hội đồng quản trị.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Cảnh H – sinh năm 1975

Nơi cư trú: khối 5, thị trấn ĐL, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 25/4/2017, quá trình giải quyết vụ án và tài liệu giao nộp tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn anh Phan Văn H đăng ký kết hôn ngày 19/7/2011 tại UBND xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh H vũ phu, đánh đập chị nhiều lần và còn có quan hệ bất chính với những người phụ nữ khác khiến cho chị không còn tình cảm gì với anh H nữa. Tháng 8/2016, chị đã gửi đơn lên Tòa án xin ly hôn với anh H nhưng vì con nên chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ, anh H không sửa đổi mà còn đánh đập tàn nhẫn hơn khiến cho chị phải trốn đi nơi khác để ở nhưng anh H vẫn không buông tha mà còn có hành vi đập phá tư trang cũng như phương tiện kiếm sống của chị đồng thời còn bôi nhọ đạo đức của vợ. Vợ chồng ly thân và đã cắt đứt mọi quan hệ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn H;

- Con chung: có 02 con chung là Phan Văn T sinh ngày 22/9/2011 và Phan Thị Bảo N sinh ngày 13/12/2013. Nếu ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng do nguyên đơn hiện không có việc làm, không có chỗ ở, không có thu nhập và bị đơn muốn lợi dụng việc nuôi con để níu kéo tình cảm vợ chồng nên nguyên đơn không đồng ý nuôi con mà giao cả hai con chung cho bị đơn nuôi. Nguyên đơn xin được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do kinh tế khó khăn.

- Về tài sản chung: ngày 02/8/2017, chị C có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng ngày 16/8/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút đơn yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nữa.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: chị C, bà T thống nhất khai:

Ngày 12/12/2016, vợ chồng vay tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân xã TS số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,9%/tháng (10,95%/năm) và đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 025886 do UBND huyện ĐL cấp ngày 19/6/2012 cho Quỹ tín dụng cầm giữ làm tín chấp. Vợ chồng đã trả được tiền lãi đến 30/6/2017 và chưa trả được đồng nào tiền gốc.

Ngày 08/3/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL cho vợ chồng vay 12.000.000 đồng để khoan giếng và xây dựng công trình vệ sinh; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/3/2021, trả tiền gốc 6 tháng/lần; lãi suất 0,75%/tháng, lãi trả vào ngày 08 hàng tháng. Vợ chồng đã trả lãi đến ngày 08/7/2017, chưa trả khoản nợ gốc nào.

Nguyên đơn chấp nhận chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 19/9/2017 của khoản nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã TS và Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL và lãi suất phát sinh sau ngày 19/9/2017 theo hợp đồng tín dụng. Do Quỹ tín dụng và Ngân hàng đề nghị anh H là người đứng ra trả nợ trực tiếp nên bà T chấp nhận theo đề xuất của Ngân hàng nhưng phần nghĩa vụ của chị C thì yêu cầu được thực hiện trực tiếp cho Quỹ tín dụng và Ngân hàng mà không trả qua anh H nữa.

Chị C và bà T không thừa nhận khoản vay của chị Phan Thị M, anh Nguyễn Cảnh H và chị Lê Thị T. Trong Giấy ghi nợ do anh H cung cấp, chị C không viết rõ về các khoản nợ nào, đồng thời chị C có văn bản trình bày việc bị anh H cưỡng bức viết giấy nên chị C, bà T không đồng ý trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn H có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Không chấp nhận ly hôn. Bị đơn cho rằng, nguyên đơn đã ở nhờ nhà chị gái và chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác tại Bình Phước trong suốt thời gian làm đơn ly hôn tại Tòa án. Nguyên đơn không có nhà ở, không có công ăn việc làm, không có trách nhiệm gì với con cái và chỉ phục vụ người tình. Bị đơn xin được đoàn tụ vì vẫn còn thương yêu vợ và không muốn các con khổ do bố mẹ ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung là Phan Văn T sinh ngày 22/9/2011 và Phan Thị Bảo N sinh ngày 13/12/2013. Nếu ly hôn, bị đơn yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho nguyên đơn nuôi vì tự bản thân nguyên đơn không có khả năng nuôi con, thấy các con chịu khổ sở sẽ tự quay về với bị đơn. Nếu nguyên đơn nuôi cả hai con thì bị đơn chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi một con chung (hoặc cháu N hoặc cháu T) 500.000 đồng/tháng.

- Về quyền tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: Ngày 12/12/2016, vợ chồng vay tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân xã TS số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,9%/tháng (10,95%/năm) và bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 025886 do UBND huyện ĐL cấp ngày 19/6/2012 cho Quỹ tín dụng cầm giữ làm tín chấp. Vợ chồng đã trả lãi đến ngày 30/6/2017, chưa trả tiền gốc. Số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 19/9/2017 là 1.200.000 đồng.

Ngày 08/3/2017, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL cho vợ chồng vay 12.000.000 đồng để khoan giếng và xây dựng công trình vệ sinh; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/3/2021, trả tiền gốc 6 tháng/lần; lãi suất 0,75%/tháng, lãi trả vào ngày 08 hàng tháng. Vợ chồng đã trả lãi đến ngày 21/8/2017, chưa trả gốc kỳ nào. Nay số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 19/9/2017 là 90.000 đồng.

Nếu ly hôn, bị đơn đồng ý chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL và Quỹ tín dụng nhân dân xã TS nhưng yêu cầu nguyên đơn phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số nợ theo nghĩa vụ chung của vợ chồng. Bị đơn thống nhất theo đề xuất của bà Tlà nghĩa vụ hoàn lại của chị C sẽ được thực hiện thông qua việc chị C trả trực tiếp tại Quỹ và Ngân hàng.

Ngoài ra, năm 2014 vợ chồng có vay của chị Phan Thị M số tiền 10.000.000 đồng, ngày 20/11/2014 vay của anh Nguyễn Cảnh H 25.000.000 đồng, năm 2015 có vay của chị Lê Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Chị C đã tự nguyện viết giấy đồng ý trả nợ chứ không có việc anh dùng vũ lực ép buộc viết nên “giấy ghi nợ”. Những khoản nợ này là của cả hai vợ chồng nên cả hai vợ chồng phải trả, anh H không đồng ý chịu trách nhiệm trả một mình.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân xã TS, bà Thái Thị T trình bày: theo Hợp đồng tín dụng số 6700/HĐTD Ngày 12/12/2016, Quỹ tín dụng nhân dân xã TS cho anh H vay số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,9%/tháng (10,95%/năm); chị C là vợ và là người thừa kế chứ không phải là người vay. Anh H đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 025886 do UBND huyện ĐL cấp ngày 19/6/2012 cho Quỹ tín dụng cầm giữ làm tín chấp và ủy quyền cho Quỹ bán tài sản là nhà và đất tại xóm Yên Sơn 1, xã HS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Anh H đã trả được tiền lãi đến 30/6/2017 và chưa trả được đồng nào tiền gốc. Nếu chị C và anh H ly hôn, Quỹ yêu cầu một mình anh H có trách nhiệm trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phải trả đến ngày 19/9/2017 là 1.200.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân xã TS và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 theo Hợp đồng tín dụng.

Còn đối với tài sản là đất ở, đất vườn mà anh H giao cho Quỹ thì khi nào đến hạn trả nợ mà anh H không trả thì Quỹ sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà T cũng đồng ý việc chị C trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ trực tiếp cho Quỹ vào tài khoản vay của anh H và Quỹ sẽ có trách nhiệm xác nhận đầy đủ và lập chứng từ bảo đảm quyền lợi cho khách hàng.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, bà Đặng Thị T trình bày: theo giấy đề nghị vay vốn lập ngày 05/02/2017, vào ngày 08/3/2017, Phòng giao dịch huyện ĐL - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cho anh H vay 12.000.000 đồng để khoan giếng và xây dựng công trình vệ sinh; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/3/2021, trả tiền gốc 6 tháng/lần; lãi suất 0,75%/tháng, lãi trả vào ngày 08 hàng tháng. Ngân hàng chỉ giao dịch với anh H, không giao dịch với chị C. Anh H đã trả lãi đến ngày 21/8/2017. Nếu chị C – anh H ly hôn, Ngân hàng yêu cầu một mình anh H phải trả toàn bộ nợ gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi phải trả đến ngày 19/9/2017 là 90.000 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (tại phòng giao dịch huyện ĐL).

Bà T đồng ý việc chị C trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ trực tiếp cho Ngân hàng theo mã món vay 6600000709529608 và Ngân hàng sẽ có trách nhiệm xác nhận đầy đủ và lập chứng từ bảo đảm quyền lợi cho khách hàng.

Người làm chứng anh Nguyễn Cảnh H trình bày: ngày 20/11/2014, anh cho anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị C vay số tiền 25.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận khi nào có thì trả. Khi vay, chỉ anh H viết giấy còn chị C thì có mặt nhưng không ký tên vào. Nay, anh yêu cầu vợ chồng anh H – chị C phải trả khoản nợ trên cho anh. Tuy nhiên, do chị C không thừa nhận nợ, anh H không đồng ý trả khoản nợ này một mình nên anh sẽ dùng các biện pháp khác để thu hồi nợ. Trường hợp không thu hồi được nợ thì anh mới yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, khoản 2 điều 60; 27, 37, 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự: giải quyết cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Phan Văn H; giao con chung Phan Văn T sinh ngày 22/9/2011 và Phan Thị Bảo

N sinh ngày 13/12/2013 cho anh H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị C; buộc chị Các và anh H phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân xã TS và Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐL; đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật; không giải quyết chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã TS và HS về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn không yêu cầu hòa giải về tình cảm và nuôi con chung nên Tòa án không tiến hành hòa giải; riêng vấn đề nghĩa vụ tài sản chung do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu hòa giải nên Tòa án hòa giải là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận và Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị C.

Anh H có đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 31/7/2017 nhưng không nộp tạm ứng án phí và làm đơn xin rút yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị C là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đưa anh Nguyễn Cảnh H vào người tham gia tố tụng phiên tòa để làm sáng tỏ khoản nợ chung vợ chồng. Xét yêu cầu của bị đơn là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận đưa anh Nguyễn Cảnh H tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét chị Nguyễn Thị C và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn ngày 19/7/2011 tại UBND xã HS, huyện ĐL, Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Theo chị C, vợ chồng mâu thuẫn là do anh H thường xuyên đánh đập chị vũ phu khiến cho chị phải trốn đi nơi khác ở; ngoài ra, anh H còn có lối sống không lành mạnh là có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên chị không còn tình cảm và kiên quyết xin ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ. Anh H thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn là do anh phạm một số lỗi lầm nhưng anh đã khắc phục hoàn toàn và mong muốn được đoàn tụ.

Xét, mong muốn được đoàn tụ gia đình xây dựng hạnh phúc của anh H là hoàn toàn chính đáng. Tòa án cũng đã kiên trì phân tích, cho các đương sự thời gian để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, chị C yêu cầu không hòa giải. Theo xác minh ngày 04/7/2017 và lời khai của các đương sự thì vợ chồng đã ly thân, vì

phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại khoản 2 điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị C khẳng định không còn yêu thương anh H nữa, dù chị đã trốn vào miền Nam để tránh xa chồng nhưng anh H vẫn không buông tha và đập phá phương tiện kiếm sống cũng như đồ dùng cá nhân của chị. Tuy không cung cấp được chứng cứ nhưng anh H cho rằng chị C có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và trước khi phiên tòa diễn ra khoảng 4 ngày, anh H đã đi vào Bình Phước chặn đánh người đàn ông mà anh H cho đó là người tình của chị C. Qua lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn đã chứng tỏ, vợ chồng không còn tôn trọng và thương yêu nhau nữa nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị C và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Phan Văn H.

2.2. Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là Phan Văn T sinh ngày 22/9/2011 và Phan Thị Bảo N sinh ngày 13/12/2013. Nguyên đơn không chấp nhận nuôi con với lý do hoàn cảnh lâm vào khó khăn và không muốn bị đơn lợi dụng việc nuôi con vào mục đích níu kéo tình cảm. Bị đơn cũng không chấp nhận nuôi con mà yêu cầu giao 2 con cho nguyên đơn nuôi vì bị đơn cho rằng, nguyên đơn không có khả năng nuôi con và khi thấy các con chịu khổ sở sẽ tự quay về với bị đơn.

Xét, yêu cầu của cả bị đơn và nguyên đơn đều không chính đáng và thể hiện sự thiếu quan tâm đến nhu cầu và lợi ích của các con chung. Theo quy định tại khoản 3 điều 70, khoản 1 điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị C nuôi cháu N, giao cháu T cho anh H nuôi; các đương sự không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

2.3. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ tài sản chung:

Các đương sự thống nhất về việc trả khoản nợ gốc 50.000.000 đồng cùng lãi phát sinh của Quỹ tín dụng nhân dân xã TS và khoản nợ gốc 12.000.000 đồng cùng lãi phát sinh của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện ĐL) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc anh H phải trả khoản nợ 50.000.000 đồng tiền gốc cùng 1.200.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 cho Quỹ tín dụng nhân dân xã TS; trả khoản nợ gốc 12.000.000 đồng cùng 90.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện ĐL).

Buộc chị C phải hoàn trả cho anh H các khoản: 25.000.000 đồng tiền gốc cùng 600.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa anh H với Quỹ tín dụng nhân dân xã TS; 6.000.000 đồng tiền gốc cùng

45.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 theo Giấy cam kết vay vốn lập ngày 05/02/2017 giữa anh H với Phòng giao dịch huyện ĐL - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Đồng thời chị C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 từ hai khoản nợ gốc này theo các giao dịch đã ký kết.

Đối với thỏa thuận về phương thức hoàn trả của chị C cho anh H là thực hiện thông qua việc trả trực tiếp tại Phòng giao dịch huyện ĐL - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và Quỹ tín dụng nhân dân xã TS, Hội đồng xét xử thấy: thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và thuận lợi trong việc thi hành án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do Quỹ tín dụng nhân dân xã TS không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản tiền vay nợ chị Phan Thị M 10.000.000 đồng: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đối với khoản tiền vay nợ 10.000.000 đồng của chị Lê Thị T: chị T có yêu cầu độc lập trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không nộp tạm ứng án phí. Nguyên đơn không đồng ý trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu cầu độc lập của chị T trong vụ án này.

Trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh Nguyễn Cảnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 25.000.000 đồng phát sinh giữa anh và nguyên đơn – bị đơn. Tại phiên tòa, anh H đề nghị nguyên đơn – bị đơn phải trả nợ nhưng các đương sự không đồng ý trả, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

Chị Phan Thị M, chị Lê Thị T, anh Nguyễn Cảnh H có quyền khởi kiện đối với các giao dịch vay tài sản này bằng vụ án khác.

2.5. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.6. Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên chị C phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự (791.125 đồng), anh H phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự (1.582.250 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 60; Điều 27, Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Cho chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Phan Văn H;
- Về con chung:

Giao con chung Phan Văn T sinh ngày 22/9/2011 cho anh Phan Văn H trực tiếp nuôi. Giao con chung Phan Thị Bảo N sinh ngày 13/12/2013 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Anh H, chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn Nguyễn Thị C.

- Về nghĩa vụ tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Buộc anh Phan Văn H phải trả khoản nợ 50.000.000 đồng tiền gốc cùng 1.200.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 cho Quỹ tín dụng nhân dân xã TS theo Hợp đồng tín dụng số 6700/HĐTD ký kết ngày 12/12/2016; trả khoản nợ gốc 12.000.000 đồng cùng 90.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 và tiền lãi phát sinh sau ngày 19/9/2017 cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo Giấy đề nghị vay vốn lập ngày 05/02/2017.

Buộc chị C phải hoàn trả cho anh H 25.000.000 đồng tiền gốc cùng 600.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 cho theo Hợp đồng tín dụng 6700/HĐTD ký kết ngày 12/12/2016 giữa anh H với Quỹ tín dụng nhân dân xã TS; 6.000.000 đồng tiền gốc cùng 45.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 theo Giấy đề nghị vay vốn lập ngày 05/02/2017 giữa anh H với Phòng giao dịch huyện Đô Lương - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Chị C thực hiện việc hoàn trả tiền cho anh H theo phương thức trả trực tiếp vào mã món vay 6600000709529608 tại Phòng giao dịch huyện ĐL - Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và tài khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 6700/HĐTD ngày 12/12/2016 tại Quỹ tín dụng nhân dân xã TS.

Kể từ sau ngày 19/9/2017, chị C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với khoản nợ gốc này theo các giao dịch đã ký kết nêu trên.

- Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 791.125 đồng án phí nghĩa vụ tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0001621 ngày 28/4/2017 và số 0001670 ngày 10/8/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Chị C còn phải nộp 166.125 đồng.

Anh Phan Văn H phải chịu 1.582.250 đồng án phí nghĩa vụ tài sản chung.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đô Lương
- UBND xã HS
- CCTHADS huyện Đô Lương
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thể